

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: Y HỌC CƠ SỞ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1	
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223360139	Lâm Tâm	An	14/11/2007	02DS15C1	8,0	7,0	7,3		0,0		2,9	Thi lại
2	2223360293	Nguyễn Văn	An	13/11/2007	02DS15C1	7,0	7,0	7,0		3,5		4,9	Đạt
3	2223360127	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	21/12/2007	02DS15C1	8,0	7,5	7,7		3,3		5,0	Đạt
4	2223360396	Phạm Thị Phương	Anh	26/08/2007	02DS15C1	9,0	7,5	8,0		4,5		5,9	Đạt
5	2223360190	Châu Quốc	Bảo	20/10/2007	02DS15C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
6	2223360275	Nguyễn Ngọc	Bích	24/07/2007	02DS15C1	8,0	8,0	8,0		3,0		5,0	Đạt
7	2223360223	Võ Văn	Chung	17/02/2007	02DS15C1	8,0	7,5	7,7		3,8		5,3	Đạt
8	2223360109	Nguyễn Hồ Linh	Đan	12/03/2007	02DS15C1	7,0	7,0	7,0		2,8		4,5	Đạt
9	2223360398	Nguyễn Đoàn Hiền	Đạt	18/12/2007	02DS15C1	9,0	7,5	8,0		2,7		4,8	Đạt
10	2223360050	Quách Khả	Doanh	14/04/2006	02DS15C1	9,0	8,0	8,3		4,8		6,2	Đạt
11	2223360202	Nguyễn Thị Mai	Dung	16/06/2007	02DS15C1	8,0	7,5	7,7		3,8		5,3	Đạt
12	2223360030	Nguyễn Thị Khánh	Duy	20/09/2005	02DS15C1	9,0	7,5	8,0		4,2		5,7	Đạt
13	2223360126	Trần Hương	Giang	12/03/2007	02DS15C1	9,0	8,0	8,3		6,2		7,1	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: Y HỌC CƠ SỞ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
14	2223360319	Trần Nguyễn Văn	Hoàng	26/12/2006	02DS15C1	7,0	7,0	7,0		4,3		5,4	Đạt
15	2223360152	Nguyễn Phước Gia	Huy	26/01/2007	02DS15C1	9,0	7,5	8,0		3,5		5,3	Đạt
16	2223360317	Nguyễn Văn	Khải	17/06/2005	02DS15C1	9,0	7,5	8,0		3,8		5,5	Đạt
17	2223360372	Phan Nhật Minh	Khang	25/09/2007	02DS15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
18	2223360415	Nguyễn Trần Chấn	Khang	16/10/2004	02DS15C1	8,0	8,0	8,0		4,8		6,1	Đạt
19	2223360033	Nguyễn Thị Đăng	Khoa	02/08/2003	02DS15C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
20	2223360414	Nguyễn Ngọc Kim	Loan	07/12/2007	02DS15C1	7,5	7,0	7,2		3,3		4,8	Đạt
21	2223360068	Trần Thanh Phước	Lộc	24/12/1988	02DS15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
22	2223360121	Nguyễn Thanh	Ngân	30/10/2007	02DS15C1	8,0	7,5	7,7		2,8		4,7	Đạt
23	2223360288	Trần Bảo	Ngân	20/10/2007	02DS15C1	7,5	7,0	7,2		3,0		4,7	Đạt
24	2223360338	Trần Quang	Ngân	23/07/2004	02DS15C1	8,0	7,5	7,7		5,5		6,4	Đạt
25	2223360334	Đào Bảo	Ngọc	02/04/2007	02DS15C1	9,0	8,0	8,3		4,8		6,2	Đạt
26	2223360118	Nguyễn Phú Huỳnh	Nhi	26/11/2007	02DS15C1	8,0	8,0	8,0		5,5		6,5	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: Y HỌC CƠ SỞ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
27	2223360304	Nguyễn Thiên	Nhi	23/07/2007	02DS15C1	7,5	7,0	7,2		2,5		4,4	Đạt
28	2223240289	Phan Thị Tuyết	Nhi	12/10/2000	02DS15A1	9,0	7,5	8,0		5,0		6,2	Đạt
29	2223360151	Hồ Quỳnh	Như	04/09/2005	02DS15C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
30	2223360254	Lê Võ Khánh	Như	21/12/2007	02DS15C1	9,0	7,5	8,0		5,3		6,4	Đạt
31	2223360156	Phạm Trần Hà	Phương	13/04/2004	02DS15C1	9,0	8,0	8,3		3,2		5,3	Đạt
32	2223360226	Nguyễn Ngọc Hà	Phương	16/06/2007	02DS15C1	8,0	8,0	8,0		3,7		5,4	Đạt
33	2223360170	Nguyễn Ánh Kim	Sa	28/11/2007	02DS15C1	7,5	7,0	7,2		3,0		4,7	Đạt
34	2223360561	Siu H'	Sami	07/07/2006	02DS15C1	8,0	7,5	7,7		3,0		4,9	Đạt
35	2223360018	Đỗ Phú Thành	Tài	03/06/2006	02DS15C1	8,0	8,0	8,0		3,8		5,5	Đạt
36	2223360366	Phan Văn	Tài	27/07/2007	02DS15C1	9,0	8,0	8,3		5,3		6,5	Đạt
37	2223360321	Trần Ngọc Thanh	Tâm	24/02/2007	02DS15C1			0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
38	2223360411	Nguyễn Phương Thanh	Tâm	11/11/2007	02DS15C1	7,5	7,0	7,2		4,5		5,6	Đạt
39	2223360419	Trần Minh	Thái	30/08/2007	02DS15C1	8,0	7,5	7,7		3,7		5,3	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: Y HỌC CƠ SỞ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
40	2223360003	Dương Thị Bé	Thảo	29/9/1995	02DS15C1	9,0	8,0	8,3		6,3		7,1	Đạt
41	2223360403	Nguyễn Hoàng Thuận	Thảo	02/06/2007	02DS15C1	7,5	7,0	7,2		5,3		6,0	Đạt
42	2223360231	Hoàng Kim Anh	Thư	18/03/2006	02DS15C1	9,0	8,0	8,3		0,0		3,3	Thi lại
43	2223360311	Nguyễn Vũ Ngọc	Thùy	02/12/2000	02DS15C1	9,0	8,0	8,3		0,0		3,3	Thi lại
44	2223360365	Nguyễn Thị Gia	Thy	02/12/2007	02DS15C1	8,0	7,5	7,7		3,5		5,2	Đạt
45	2223360261	Lê Thảo	Tiên	27/01/2006	02DS15C1	9,0	7,5	8,0		4,0		5,6	Đạt
46	2223360158	Nguyễn	Tiến	24/02/2007	02DS15C1	8,0	7,5	7,7		4,0		5,5	Đạt
47	2223360358	Trần Trí	Toàn	10/12/2007	02DS15C1	8,0	8,0	8,0		4,8		6,1	Đạt
48	2223360554	Lê Quỳnh	Trang	04/11/2007	02DS15C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
49	2223360395	Trương Phú	Trọng	06/09/2006	02DS15C1	8,0	7,0	7,3		2,8		4,6	Đạt
50	2223360253	Bùi Ngọc Khánh	Vy	13/04/2007	02DS15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
51	2223360039	Bùi Phi	Yến	04/10/2006	02DS15C1	7,5	7,5	7,5		0,0		3,0	Thi lại
52	2223360017	Lê Thị Hồng	Gấm	02/06/1999	02DS15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại